

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 34/2021/DS-ST

Ngày: 14/4/2021

V/v tranh chấp **hợp đồng vay tài sản**.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Mừng.

2. Ông Trịnh Văn Bé.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Bá Thi, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hiền – **Kiểm sát viên.**

Ngày 14 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **464/2020/TLST-DS** ngày **01 tháng 12 năm 2020** về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/**2021/QĐXXST-DS**, ngày 25 **tháng 02** năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lư Thị H, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp T, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang, (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lư Thị H: Luật sư Nguyễn Văn P, sinh năm 1983, Văn phòng luật sư Nguyễn Văn P, Đoàn luật sư tỉnh An Giang; địa chỉ: số 477A/24 Q, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang, (Có yêu cầu vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Trương Thúy P, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Võ Văn H1, sinh năm 1965; địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản hòa giải nguyên đơn bà Lư Thị H trình bày: Do quen biết nên ngày 21/7âl/2019 (nhằm ngày 21/8dl/2019), bà có cho bà Trương Thúy P vay số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng, mục đích vay để làm vốn mua bán và sinh hoạt trong gia đình, thỏa thuận lãi suất là 02%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Khi vay có làm biên nhận, do bà P viết, ký tên, viết họ và tên vào biên nhận đề ngày 21/7âl/2019. Từ khi vay, bà P không trả lãi, vốn gốc cho bà, mặc dù bà có yêu cầu bà P trả lãi, vốn gốc nhiều lần, bà P có hứa trả nhưng không thực hiện nghĩa vụ. Tuy bà P là người trực tiếp vay tiền, ông Võ Văn H1 không trực tiếp vay tiền, không ký tên vào biên nhận nợ ngày 21/7âl/2019 do bà P viết, nhưng bà P vay tiền của bà để làm vốn mua bán, sinh hoạt trong gia đình và ông H1 là chồng của bà P, hiện nay bà P, ông H1 vẫn còn chung sống với nhau. Do đó, bà H yêu cầu bà Trương Thúy P, ông Võ Văn H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền vốn vay 100.000.000 đồng, bà xin rút lại yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 21/7âl/2019 (nhằm ngày 21/8dl/2019) đến ngày Tòa án xét xử đối với bà P, ông H1.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lư Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lư Thị H gửi Luận cứ như sau: Giữa bà Lư Thị H với bà Trương Thúy P là chỗ quen biết với nhau từ lâu, ngày 21/7/2019 al, bà H có cho bà Trương Thúy P vay số tiền 100.000.000đ. Bà P nói với bà H là vay tiền để làm vốn mua bán và sử dụng sinh hoạt phí trong gia đình. Việc cho vay có làm biên nhận cụ thể, bà H đã giao đủ số tiền 100.000.000đ cho bà Trương Thúy P ngay trong ngày 21/7/2019 al. Tại các lần hòa giải do Tòa án tổ chức, bà P cũng thừa nhận số tiền vay.

Từ khi vay tiền đến nay thì bà Trương Thúy P chưa trả số tiền nói trên cho bà H. Bà H đã nhiều lần đòi số tiền nói trên nhưng bà P hứa hẹn đến nay chưa trả. Giữa bà P với ông Võ Văn H1 là vợ chồng, việc bà P vay tiền của bà H để làm vốn mua bán và chi phí sinh hoạt gia đình nên ông H1 phải có trách nhiệm liên đới cùng bà P trả tiền vay cho bà H.

Nay bà Lư Thị H yêu cầu Tòa án buộc bà Trương Thúy P và ông Võ Văn H1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà H số tiền 100.000.000đ và tiền lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 21/7/2019 al đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án. Nhận thấy yêu cầu này của bà H là có căn cứ nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận. Đồng thời trong quá trình hòa giải, bà H rút lại yêu cầu tính lãi nên đề nghị HĐXX đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của bà H trong vụ án này.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lư Thị H. Buộc bà Trương Thúy P và ông Võ Văn H1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lư Thị H số tiền 100.000.000đ. Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn bà Trương Thúy P, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Võ Văn H1 đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không lý do nên không hòa giải được.

Tuy nhiên, tại biên bản ghi lời khai của Tòa án, bị đơn bà Trương Thúy P trình bày: bà với bà H chỉ quen biết. Bà với ông H1 là vợ chồng, chung sống với nhau hơn 30 năm, hiện nay vẫn còn sống chung. Khoảng năm 2016, bà bắt đầu xác lập quan hệ vay mượn tiền với bà H, vay rồi trả, trả xong vay lại. Sau đó, do có vay nhiều lần không có khả năng trả cho bà H, nên khoảng năm 2019 (không nhớ chính xác thời gian), bà và bà H có thỏa thuận chốt số nợ. Qua đó, bà còn nợ bà H số tiền 100.000.000 đồng, bà có làm biên nhận và ký tên. Bà xác định biên nhận ngày 21/7/2019 âm lịch do bà H cung cấp cho Tòa án là do bà viết và ký tên.

Mặc dù trong biên nhận thể hiện lãi suất thỏa thuận 2%, nhưng bà trả tiền góp hàng ngày cho bà H, bao gồm vốn và lãi mỗi ngày là 1.000.000 đồng, bà góp đến thời gian nào thì ngưng bà không nhớ. Nhưng theo bà đối với số tiền 100.000.000 đồng này bà đã góp trả hàng ngày cho bà H xong. Việc bà góp tiền lãi và vốn trả cho bà H mỗi ngày 1.000.000 đồng bà không có làm giấy tờ, việc này cũng không ai biết. Mục đích vay tiền của bà H trong thời gian dài để làm vốn mua bán tạo thu nhập cho gia đình. Việc bà vay tiền của bà H chồng bà có biết. Giấy biên nhận nợ do bà H cung cấp, bà xác định là bà viết và ký tên, nhưng đây là biên nhận bà viết để làm tin với bà H. Thực tế bà có trả vốn và lãi cho bà H bằng hình thức trả góp vốn, lãi hàng ngày, nhưng bà không xác định được số tiền bà đã góp trả là bao nhiêu. Việc bà góp trả tiền hàng ngày cho bà H bà có ghi sổ, bà sẽ kiểm tra lại. Bà hẹn lần làm việc sau, bà sẽ có ý kiến số tiền bà còn nợ bà H. Bà không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bà, cũng như không cung cấp người làm chứng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Do quen biết nên ngày 21/7/2019, bà Lư Thị H có cho bà Trương Thúy P vay 100.000.000 đồng, có làm biên nhận, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, mục đích dùng trong sinh hoạt và kinh doanh, vay không thời hạn. Trong quá trình vay, bà P không trả vốn và lãi. Nay, bà H yêu cầu bà P và ông Võ Văn H1 (chồng bà P) liên đới trả 100.000.000 đồng. Rút lại yêu cầu tính lãi suất.

Phía bà P thừa nhận có ký tên vào biên nhận nợ ngày 21/7/2019. Tuy nhiên, việc

vay theo hình thức trả góp vốn và lãi suất 1.000.000 đồng/ngày, nhưng không xác định thời gian kết thúc. Riêng, ông Võ Văn H1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi nhận ý kiến.

Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa bà H với bà P được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận và lập thành văn bản ngày 21/7a/2019, có chữ ký xác nhận của bà P, trong quá trình giải quyết vụ án bà P vẫn thừa nhận có ký tên vào biên nhận nợ với số tiền 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, việc bà P cho rằng có trả góp vốn và lãi mỗi ngày 1.000.000 đồng, nhưng không cung cấp chứng cứ đối với lời trình bày trên và bà H không thừa nhận việc trả góp vốn và lãi nên việc bà H khởi kiện yêu cầu bà P trả số tiền 100.000.000 đồng là có căn cứ.

Đối với ông H1, tuy không trực tiếp thực hiện giao dịch nhưng đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân dùng trong sinh hoạt và bà P xác nhận ông H1 có biết việc vay tiền nên bà H khởi kiện yêu cầu ông H1 liên đới cùng bà P là có căn cứ.

Về lãi suất, bà H rút lại yêu cầu tính lãi nên cần đình chỉ đối với phần lãi suất.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự, Điều 217, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lư Thị H.
- Buộc bà Trương Thúy P và ông Võ Văn H1 liên đới trả bà Lư Thị H 100.000.000 đồng.
- Đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi suất của bà Lư Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn bà Trương Thúy P. Bà P có nơi cư trú ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn bà Trương Thúy P, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Võ Văn H1 đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên là có căn cứ.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Tại đơn khởi kiện và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn yêu cầu bà P trả số tiền vay 100.000.000 đồng. Do vậy, vụ án được xác

định là tranh chấp giao dịch dân sự về Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Quá trình làm việc và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, xin rút yêu cầu tính lãi suất trên số tiền vay. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự và sự thay đổi này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu bà P trả số tiền vay 100.000.000 đồng. Chứng cứ bà H khởi kiện là “Biên nhận nhận tiền” ngày 21.7.2019 âm lịch có chữ ký của bà P. Quá trình làm việc tại Tòa án, bà P thống nhất có vay tiền của bà H, còn nợ số tiền 100.000.000 đồng, bà P thừa nhận “Biên nhận nhận tiền” ngày 21.7.2019 âm lịch là do bà viết và ký tên. Nhưng bà P cho rằng số tiền 100.000.000 đồng này bà đã góp trả vốn và lãi hàng ngày cho bà H xong. Xét thấy, để bảo vệ cho lời trình bày của mình là có căn cứ thì nghĩa vụ chứng minh thuộc về đương sự, nhưng bà P không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc đã trả xong số tiền 100.000.000 đồng cho bà H bằng hình thức trả góp hàng ngày, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét lời trình bày của bà P. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có đủ cơ sở xác định các bên đã xác lập hợp đồng vay tài sản trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, hiện nay bà P nợ bà H số tiền 100.000.000 đồng là có thật, nên làm phát sinh quyền nghĩa vụ các bên theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Do, phía bà P vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho cho bà H. Nay, bà H khởi kiện yêu cầu bà P trả số tiền vay 100.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông H1 cùng với bà P trả số tiền vay 100.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, Hợp đồng vay tài sản được xác lập giữa bà H với bà P. Ông H1 không trực tiếp tham gia và cũng không cùng với bà P ký tên vào biên nhận nợ. Tuy nhiên, ông H1 và bà P là vợ chồng, hiện vẫn còn chung sống với nhau, bà P cũng xác định việc bà vay tiền của bà H làm vốn mua bán tạo thu nhập cho gia đình và ông H1 biết việc bà vay tiền của bà H. Do đó, căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014, buộc ông H1 cùng có trách nhiệm liên đới cùng với bà P trả cho bà H số tiền vay 100.000.000 đồng là phù hợp.

[7] Về lãi suất: Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận lời đề nghị của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, buộc bà P và ông H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền vay 100.000.000 đồng.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm: Do bà P, ông H1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà H nên phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;

- Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lư Thị H đối với bà Trương Thúy P, ông Võ Văn H1.

Buộc bà Trương Thúy P và ông Võ Văn H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lư Thị H số tiền vay 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Án phí dân sự sơ thẩm: 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), bà Trương Thúy P và ông Võ Văn H1 phải chịu.

Hoàn lại cho bà Lư Thị H tiền tạm ứng án phí 2.500.000 đồng (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng), mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0009031, ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Anh Thư

